

Ninh Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh dịch vụ cung cấp đồ vải.

Bệnh viện đa khoa Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá cung cấp vật tư hàng hóa: May bỏ sung đồ vải phục vụ người bệnh của Bệnh viện Đa Khoa Nam Định. Bệnh viện kính mời các đơn vị trong lĩnh vực có năng lực quan tâm, báo giá, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

1. Đơn vị mời báo giá: Bệnh viện đa khoa Nam Định

- Địa chỉ: Khu đô thị Mỹ Trung, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Họ Tên: Phòng văn thư – phòng HCQT

- Số điện thoại 02283868171

- Địa chỉ: Khu đô thị Mỹ Trung, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình

- Email: hanhchinhvanthu.bvdk@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Hình thức tiếp nhận báo giá: Trực tiếp

- Địa điểm phát hành yêu cầu báo giá: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: 12/12 / 2025 đến ngày 17 /12/ 2025

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 30 ngày, kể từ ngày 17/ 12/2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa mua sắm cụ thể:

(Có phụ lục, danh mục kèm theo)

Các đơn vị có đầy đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, có quan tâm, mong muốn cung cấp vật tư hàng hóa cho gói thầu nêu trên.

Bệnh viện Đa khoa Nam Định chân thành cảm ơn. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HCQT.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Kim Yến

Phụ lục

Danh Mục May bổ sung đồ vải phục vụ người bệnh của Bệnh viện đa khoa Nam Định

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Ga giường thường KT: 90x190cm	- Chất liệu: Vải lon - Màu sắc: Màu trắng - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: (115 ± 2) (g/m²); + Mật độ: Dọc (548 ± 2), ngang (289 ± 2) (sợi/10cm); + Độ bền màu giặt C(3); 60°C: 4-5 (cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $(-1,0 \pm 0,1)$, ngang $(-0,5 \pm 0,1)$ (%); + Định tính và định lượng nguyên liệu: (65 ± 1) % Polyeste, (35 ± 1) % Cotton; Quy cách may: Màu trắng, hai đầu ga may quây vuông góc đệm (cao 5cm quây quanh đệm, độ dài hai đầu 20 cm, dọc ga là 15 cm). Cách góc 10cm có in Logo Bệnh viện - Mặt vải mịn, dày khít, dễ thấm nước, ít nhàu.	Cái	1.400
2	Ga giường HSTC KT: 3m x 1.45m	- Chất liệu: Vải lon - Màu sắc: Màu trắng - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: (115 ± 2) (g/m²); + Mật độ: Dọc (548 ± 2), ngang (289 ± 2) (sợi/10cm); + Độ bền màu giặt C(3); 60°C: 4-5 (cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $(-1,0 \pm 0,1)$, ngang $(-0,5 \pm 0,1)$ (%); + Định tính và định lượng nguyên liệu: (65 ± 1) % Polyeste, (35 ± 1) % Cotton; Quy cách may : May gấp mép xung quanh, cách góc 10cm có in Logo Bệnh viện ĐK Nam Định. - Mặt vải mịn, dày khít, dễ thấm nước, ít nhàu.	Cái	1.100

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
3	Áo kẻ xanh (Dài áo 75cm, Vng 120cm, Dài tay 52cm)	- Chất liệu: Kate - Màu sắc: kẻ sọc xanh lam/ trắng. - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 100 ± 2 (g/m²); + Mật độ: Dọc 422 ± 2, ngang 276 ± 2 (sợi/10cm); + Độ bền màu giặt A1; 40°C : 4-5(cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $-0,5 \pm 0,1$, ngang $-0,5 \pm 0,1$ (%); + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): (64 ± 1) % Polyeste (36 ± 1) % Cotton; - Quy cách may : Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Túi ngực có in logo BV. Túi áo ngực có viền màu quy định size áo - Dài áo 75cm, Vng 120cm, Dài tay 52cm - Mặt vải mịn, dày khít, dễ thấm nước, ít nhăn.	Cái	2.200
4	Quần kẻ (Dài quần 95cm, Vòng bụng 110cm, ống quần 24cm)	- Chất liệu: Kate - Màu sắc: kẻ sọc xanh lam/ trắng. - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 100 ± 2 (g/m²); + Mật độ: Dọc 422 ± 2, ngang 276 ± 2 (sợi/10cm); + Độ bền màu giặt A1; 40°C : 4-5(cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $-0,5 \pm 0,1$, ngang $-0,5 \pm 0,1$ (%); + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): (64 ± 1) % Polyeste (36 ± 1) % Cotton; - Quy cách may : Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có túi sau. Mép gấu có viền màu phân biệt size. - Dài quần 95cm, Vòng bụng 110cm, ống quần 24cm - Mặt vải mịn, dày khít, dễ thấm nước, ít nhăn.	Cái	2.200

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
5	Áo người nhà người bệnh	- Chất liệu: kate - Màu sắc: màu vàng nhạt - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 142 ± 2 (g/m²); + Mật độ: Dọc 384 ± 2, ngang 230 ± 2 (sợi/10cm); + Độ bền xé rách : Dọc 54 ± 2, ngang 21 ± 2 (N) ; + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5. (cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $-0,5 \pm 0,1$, ngang $-0,5 \pm 0,1$ (%); + Định tính và định lượng nguyên liệu: (90$\pm$1) % Polyeste (10$\pm$1) % Cotton; - Quy cách may: Áo cổ tròn, cài cúc giữa, dài áo 95cm, Vòng ngực 120cm, dài tay 50cm, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Túi ngực có in logo BV - Mặt vải mịn, dày khít, dễ thấm nước, ít nhăn.	Cái	600
6	Săng mỗ 1.45x1.8m	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc: Màu xanh - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 276 ± 2 (g/m²); + Mật độ: Dọc 448 ± 2, ngang 194 ± 2 (sợi/10cm); + Độ bền xé rách : Dọc 15 ± 2, ngang 19 ± 2 (N); + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5 (cấp); + Định tính và định lượng nguyên liệu 100% Cotton; + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C Dọc $-4,5 \pm 0,1$, ngang $-2,5 \pm 0,1$ (%) ; + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h. Quy cách may: May gấp mép xung quanh. Góc đánh dấu vải đỏ	Cái	500
7	Săng mỗ có lỗ 1x1.2m (d=14cm)	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc: Màu xanh - Tiêu chuẩn vải:	Cái	100

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Khối lượng vải: 225 ± 2 (g/m ²); + Mật độ : Dọc 480 ± 2 , ngang 224 ± 2 (sợi/10cm) ; + Độ bền xé rách Dọc 71 ± 2 , ngang 15 ± 2 (N) ; + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5 (cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $-0,5 \pm 0,1$, ngang $-0,5 \pm 0,1$ (%) ; + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : (65±1) % Polyeste (35±1) % Cotton; Quy cách may: May gấp mép xung quanh. Góc đánh dấu vải đỏ		
8	Săng mỗ không lỗ 1x1.2m	Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc: Màu xanh - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 225 ± 2 (g/m ²) + Mật độ : Dọc 480 ± 2 , ngang 224 ± 2 (sợi/10cm) ; + Độ bền xé rách Dọc 71 ± 2 , ngang 15 ± 2 (N) ; + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5 (cấp) + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $-0,5 \pm 0,1$, ngang $-0,5 \pm 0,1$ (%) ; + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : (65±1) % Polyeste (35±1) % Cotton; Quy cách may: May gấp mép xung quanh. Góc đánh dấu vải đỏ	Cái	250
9	Săng trải bàn mỗ 1.45x2.5m	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc: Màu xanh - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 225 ± 2 (g/m ²); + Mật độ : Dọc 480 ± 2 , ngang 224 ± 2 (sợi/10cm) ; + Độ bền xé rách Dọc 71 ± 2 , ngang 15 ± 2 (N) ; + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5 (cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $-0,5 \pm 0,1$, ngang $-0,5 \pm 0,1$ (%) ; + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : (65±1) % Polyeste (35±1) % Cotton;	Cái	350

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
		Quy cách may: May gấp mép xung quanh. Góc đánh dấu vải đỏ		
10	Áo choàng vô khuẩn trong kíp mồ (Da 130, Vng 160)	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc: Màu xanh - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 225 ± 2 (g/m²); + Mật độ : Dọc 480 ± 2, ngang 224 ± 2 (sợi/10cm); + Độ bền xé rách Dọc 71 ± 2, ngang 15 ± 2 (N); + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5 (cấp) + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $-0,5 \pm 0,1$, ngang $-0,5 \pm 0,1$ (%); + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : (65 ± 1) % Polyeste (35 ± 1) % Cotton; Quy cách may: May theo quy định. Dây buộc khẩu trang 40 cm, khẩu trang rộng 20 cm. Đánh dấu size bằng mảnh vải nhỏ màu quy định ở gấu áo.	Cái	450
11	Chăn (KT 145cm x 200cm)	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc : trắng - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 214 ± 2 (g/m²); + Mật độ : Dọc 430 ± 2, ngang 227 ± 2 (sợi/10cm); + Độ bền màu mồ hôi, axit: 4-5 (cấp); + Độ bền màu mồ hôi, kiềm: 4-5 (cấp); + Độ thoáng khí tại 125Pa: $6,9 \pm 0,5$ (Cm³/s/cm²); + Độ vón gút sau 1000 chu kỳ: $3,5 \pm 0,5$ (cấp); + Độ bền kéo đứt: Dọc 1410 ± 2, ngang 659 ± 2 (N);	Cái	200

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%):(65±1) % Polyeste (35±1) % Cotton; + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h. + Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo(mg/kg): K.p.h Quy cách may: May xung quanh cửa chần có đính cúc		
12	Vỏ gối (KT 45 x 65 cm)	- Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : trắng - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 214 ±2 (g/m ²); + Mật độ : Dọc 430±2, ngang 227±2 (sợi/10cm); + Độ bền màu mồ hôi, axit: 4-5 (cấp); + Độ bền màu mồ hôi, kiềm: 4-5 (cấp); + Độ thoáng khí tại 125Pa: 6,9 ±0,5 (Cm ³ /s/cm ²); + Độ vón gút sau 1000 chu kỳ: 3,5 ±0,5 (cấp); + Độ bền kéo đứt: Dọc 1410 ±2, ngang 659 ±2 (N); + Định tính và định lượng nguyên liệu (%):(65±1) % Polyeste (35±1) % Cotton; + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h; + Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo(mg/kg): K.p.h. Quy cách may: May xung quanh cửa gối 2 mép giao nhau 10 cm	Cái	200